



HP Z440 MT + NVIDIA Quadro P2000 (5GB) Intel® Xeon® E5 v4 E5-1603V4 8 GB DDR4-SDRAM 1 TB HDD Windows 7 Professional Mini Tower Workstation Màu đen

Nhãn hiệu : HP

Mã sản phẩm:
T4K76ET+1ME41AT/99615708

Tên mẫu : Z440 MT + NVIDIA Quadro P2000 (5GB)

HP Z440 MT + NVIDIA Quadro P2000 (5GB). Tốc độ bộ xử lý: 2,8 GHz, Họ bộ xử lý: Intel® Xeon® E5 v4, Model vi xử lý: E5-1603V4. Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM, Tốc độ xung nhịp bộ nhớ: 2133 MHz. Tổng dung lượng lưu trữ: 1 TB, Phương tiện lưu trữ: HDD, Loại ổ đĩa quang: DVD Super Multi. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 7 Professional, Cấu trúc hệ điều hành: 64-bit. Nguồn điện: 700 W. Loại khung: Mini Tower. Sản Phẩm: Workstation. Màu sắc sản phẩm: Màu đen



Bộ xử lý		Khe cắm mở rộng	
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Các khe PCI Express x4 (Gen 2.x)	1
Họ bộ xử lý *	Intel® Xeon® E5 v4	Các khe PCI Express x8 (Gen 3.x)	1
Model vi xử lý *	E5-1603V4	Các Khe PCI Express x16 (Gen 3.x)	2
Số lõi bộ xử lý	4	Thiết kế	
Các luồng của bộ xử lý	4	Loại khung *	Mini Tower
Tốc độ bộ xử lý *	2,8 GHz	Số lượng khe 5.25"	2
Đầu cắm bộ xử lý	LGA 2011-v3	Số lượng khe 3.5"	2
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	10 MB	Màu sắc sản phẩm *	Màu đen
Tốc độ bus hệ thống	0 GT/s	Nước xuất xứ	Trung Quốc
Loại bus	QPI	Hiệu suất	
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm	Chipset bo mạch chủ	Intel® C612
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit	Chip âm thanh	Realtek ALC221
Dòng vi xử lý	Intel Xeon E5-1600 v4	Sản Phẩm *	Workstation
Tên mã bộ vi xử lý	Broadwell	Phần mềm	
Công suất thoát nhiệt TDP	140 W	Cấu trúc hệ điều hành	64-bit
Nhiệt độ CPU (Tcase)	69 °C	Khởi phục hệ điều hành	Windows 10 Pro
Phiên bản PCI Express	3.0	Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 7 Professional
Số lượng tối đa đường PCI Express	40	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Số lượng bộ xử lý được cài đặt	1	Kiến trúc Intel® 64	✓
Bộ nhớ trong tối đa được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	1,54 TB	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Loại bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	DDR4-SDRAM	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✓
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	1600,1866,2133 MHz		

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Bảng thông bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý (tối đa)	68 GB/s	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✓	Intel® TSX-NI	✓
Bộ nhớ		Trạng thái Chờ	✓
Bộ nhớ trong *	8 GB	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Bộ nhớ trong tối đa *	128 GB	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM	Khóa An toàn Intel	✓
Bố cục bộ nhớ	2 x 4 GB	Intel® OS Guard	✓
Khe cắm bộ nhớ	8x DIMM	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✓
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	2133 MHz	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Các kênh bộ nhớ	Bốn-kênh	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✗
Dung lượng		Intel® Demand Based Switching	✓
Tổng dung lượng lưu trữ *	1 TB	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	52.5 x 51 mm
Phương tiện lưu trữ *	HDD	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0
Loại ổ đĩa quang *	DVD Super Multi	Khả năng mở rộng	1S
Tổng dung lượng ổ cứng HDD	1 TB	Tính năng Mở rộng Địa chỉ Vật lý (PAE)	✓
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Physical Address Extension (PAE)	46 bit
Dung lượng ổ đĩa cứng	1 TB	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Giao diện ổ cứng	SATA	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Tốc độ ổ cứng	7200 RPM	ID ARK vi xử lý	93100
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✗	Công nghệ Intel® Turbo Boost	✗
Đồ họa		Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✗
Card đồ họa rời *	✗	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Card đồ họa on-board *	✗	Vi xử lý không xung đột	✓
Model card đồ họa rời *	Không có	Điện	
Model card đồ họa on-board *	Không có	Nguồn điện *	700 W
Hệ thống mạng		Tính bền vững	
Kết nối mạng Ethernet / LAN *	✓	Chứng chỉ bền vững	NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Trọng lượng & Kích thước	
Wi-Fi *	✗	Chiều rộng *	169 mm
Cổng giao tiếp		Độ dày *	445 mm
Số lượng cổng USB 2.0 *	2	Chiều cao *	432 mm
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-A *	8	Trọng lượng *	11 kg
Cổng DVI	✗	Màn hình	
Số lượng cổng PS/2	2	Màn hình bao gồm *	✗
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1	Các đặc điểm khác	
Giắc cắm micro	✓	Số lượng ổ đĩa quang học	1
Đầu ra tai nghe	1	Loại giao diện BD	SATA
Đường dây ra	✓		
Đường dây vào	✓		
Khe cắm mở rộng			
Các Khe PCI Express x1 (Gen 2.x)	1		

Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.

Publication date: 16-AUG-2025. Prints or copies of Information are only valid on the printed Publication date